TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22-8-2021.
V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Điềm và ông Bùi Quang Sơn.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 22/8/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai, vụ án thụ lý số 120/2021/TLST-HNGĐ ngày 18/5/2021, về việc: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03/8/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H sinh năm 1994, vắng mặt.

HKTT: Thôn L, xã T1, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: Thôn V, xã T2, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Phạm Đức N sinh năm 1992, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã T1, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng:

- Ông Lê Sỹ C sinh năm 1965; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T sinh năm 1970; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn V, xã T2, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Ông Nguyễn Văn H sinh năm 1962; vắng mặt.

- Bà Bùi Thị Th sinh năm 1965; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã T1, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị H trình bày: Chị và anh N kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã H nay là xã T1, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 23/11/2017. Vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết và đã sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị H, anh N có một con chung là Phạm Minh Đ sinh ngày 05/4/2019. Khi ly hôn, chị H xin nhận nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, nợ, công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng anh N không đến Tòa án để làm việc và không gửi văn bản nêu ý kiến, quan điểm đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ông C, bà T (bố mẹ chị H) đề nghị giải quyết cho chị H ly hôn anh N; giao cháu Đ cho chị H nuôi dưỡng; ông bà sẽ hỗ trợ chị H trong việc nuôi dưỡng cháu Đ. Ông H, bà Th (bố mẹ anh N) xác định quá trình chung sống giữa hai bên đương sự có xảy ra mâu thuẫn, gia đình đã khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị H xin ly hôn anh N, ông bà đề nghị giải quyết theo pháp luật; nếu chị H cương quyết xin ly hôn anh N, ông bà đề nghị giao cháu Đ cho anh N nuôi dưỡng; ông bà sẽ hỗ trợ anh N trong việc nuôi dưỡng cháu Đ; đối với các văn bản tố tụng của Tòa án, ông bà đã giao, thông báo cho anh N.

Về công sức, nguồn lực tài chính trong việc giúp hai bên đương sự chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ, ông C, bà T; ông H, bà Th không yêu cầu hai bên đương sự phải hoàn trả; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cơ bản đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; anh N chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) áp dụng Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử, chị H ly hôn anh N; giao cháu Đ cho chị H nuôi dưỡng; anh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con vì chị H không yêu cầu và được quyền thăm nom con chung. Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, HĐXX nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, hợp pháp nhiều lần nhưng vắng mặt, không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về hôn nhân: Chị H và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã H nay là xã T1, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 23/11/2017, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết nên dẫn tới va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Theo xác minh tại địa phương và người thân trong gia đình của chị H, anh N xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa hai bên đương sự đã trầm trọng, được gia đình động viên, khuyên giải nhưng không có kết quả. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án, chị H cũng như gia đình của đương sự đã thông báo cho anh N biết nhưng anh N không khai báo, không tham gia phiên hòa giải, điều này chứng tỏ anh N không mong muốn tìm kiếm biện pháp để cải thiện tình trạng hôn nhân với chị H. Như vậy HĐXX có đủ căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử chị H ly hôn anh N.

[3]. Về con chung: Chị H và anh N có một con là Phạm Minh Đ sinh ngày 05/4/2019. Khi ly hôn, chị H và gia đình anh N đều có nguyện vọng xin nhận nuôi dưỡng cháu Đ, HĐXX thấy rằng, anh N thường xuyên đi làm xa nhà, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con hàng ngày; đối với chị H có nghề nghiệp, thu nhập, chỗ ở ổn định; mặt khác cháu Đ tính đến ngày xét xử chưa đủ 36 tháng tuổi. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị H cũng như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giao cháu Đ cho chị H nuôi dưỡng; anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con, nên HĐXX không giải quyết.

[4]. Về tài sản, nợ, công sức: Đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không giải quyết.

[5]. Đối với công sức, nguồn lực tài chính trong việc giúp hai bên đương sự chăm sóc cháu Phạm Minh Đ: Ông C, bà T; ông H, bà Th không yêu cầu hai bên đương sự phải hoàn trả, nên HĐXX không giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1

Điều 56, khoản 1 Điều 51, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị H ly hôn anh Phạm Đức N.

2. Về con chung: Giao con Phạm Minh Đ sinh ngày 05/4/2019 cho chị Lê Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003784 ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã T1, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tuân